TOÀ ÁN NHÂN DÂNHUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

Bản án số: 15/2020/HNGĐ - ST
Ngày 09/9/2020
"V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Đặng Hồng Sinh.

2. Bà Hoa Thị Vân.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST - HNGĐ ngày 08/5/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX - ST ngày 30/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mờ A V - Sinh năm 1986.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Giáy.

Trú tại: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Chị Hù Thị M - Sinh năm 1985.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Giáy.

Trú tại: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai..

Vắng mặt tại phiên tòa (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Mờ A V trình bày: Anh Mờ A V và chị Hù Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 26/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Q, Huyện B, tỉnh Lào Cai.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian dài, đến năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M không biết lo toan cùng anh xây dựng kinh tế gia đình, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xẩy ra, cứ mỗi lần vợ chồng xô xát, chị M lại bỏ đi ít ngày lại trở về, được sự động viên, hòa giải của hai bên gia đình vợ chồng anh trở về đoàn tụ, nhưng chỉ được một thời gian ngắn mâu thuẫn lại phát sinh. Từ tháng 5/2019 anh V và chị M sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, ngày càng trầm trọng, anh V đã khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát giải quyết cho anh V ly hôn chị M

Về con chung: anh V và chị M có hai con chung là cháu Mờ Trung T, sinh ngày 13/6/2008 và cháu Mờ Thị Thế H, sinh ngày 28/10/2012, hai cháu đang ở với anh V và đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh V có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu T và H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Mờ A V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hù Thị M: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho chị Hù Thị M theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên Chị Hù Thị M không có văn bản trả lời và cũng không đến Toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử và tiến hành xét xử vắng mặt chị Hù Thị M.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Mờ A V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân,Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định pháp luật, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến tòa án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mờ A V.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Mờ A V ly hôn chị Hù Thị M.

Về con chung: Giao 02 cháu Mờ Trung T và cháu Mờ Thị Thế H cho anh Mờ A V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, Chị Hù Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Mờ A V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hù Thị M và nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Nguyên đơn và bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, chị Hù Thị M không có văn bản trả lời và cũng không đến Toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ Luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Mờ A V có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Hù Thị M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh Mờ A V và chị Hù Thị M theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Mờ A V và chị Hù Thị M kết hôn với nhau ngày 26/01/2007, Trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vì vậy hôn nhân giữa anh Mờ A V và chị Hù Thị M là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Anh Mờ A V cho rằng chị Hù Thị M không tu chí làm ăn để cùng anh xây dựng kinh tế. Từ đó giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên anh V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hù Thị M. Qua bản xác minh ngày 21/05/2020 tại nơi anh Mờ A V và chị Hù Thị M sinh sống có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai (bút lục số 33) và lời khai của những người làm chứng (bút lục 36, 37) cũng đã thể hiện cuộc sống vợ chồng giữa anh Mờ A V và chị Hù Thị M mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và trên thực tế anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2019 không quan tâm gì đến nhau nữa. Do vậy xét yêu cầu của anh Mờ A V xin được ly hôn chị Hù Thị M là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Mờ A V và chị Hù Thị M có 02 con chung cháu lớn là Mờ Trung T, sinh ngày 13/6/2008 và cháu Mờ Thị Thế H, sinh ngày 28/10/2012. Khi ly hôn, anh V có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu T và H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh Mờ A V là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Bởi lẽ anh V hiện có chỗ ở và thu nhập ổn định và từ tháng 5/2019 chị M và anh V sống ly thân chị M không quan tâm gì tới các con, 02 cháu T và H ở với anh V được anh V nuôi dậy chu đáo. Mặt khác cả 02 cháu T và H đều có nguyện vọng được ở với anh V, nên giao 02 cháu Mờ Trung T và Mờ Thị Thế H cho anh

Mờ A V Trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Hù Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Mờ A V không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Mờ A V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Mờ A V được ly hôn chị Hù Thị M.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao 02 cháu Mờ Trung T, sinh ngày 13/6/2008 và cháu Mờ Thị Thế H, sinh ngày 28/10/2012 cho anh Mờ A V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, Chị Hù Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Mờ A V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0003390 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Xác nhận anh Mờ A V đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng Cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; huyện*
- *Các đương sự 2;*
- *UBND xã Q;*
- *THADS;*
- *Lưu HS, VP.*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TOÀ**

Đặng Hồng Sinh **Hoa Thị Vân**

Ngô Đức Quang

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; huyện*
- *Các đương sự 2;*
- *UBND xã Quang Kim;*
- *THADS;*
- *Lưu HS, VP.*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TOÀ**

Đặng Hồng Sinh **Hoa Thị Vân**

Ngô Đức Quang

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; huyện*
- *Các đương sự 2;*
- *UBND xã Quang Kim;*
- *THADS;*
- *Lưu HS, VP.*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Đức Quang